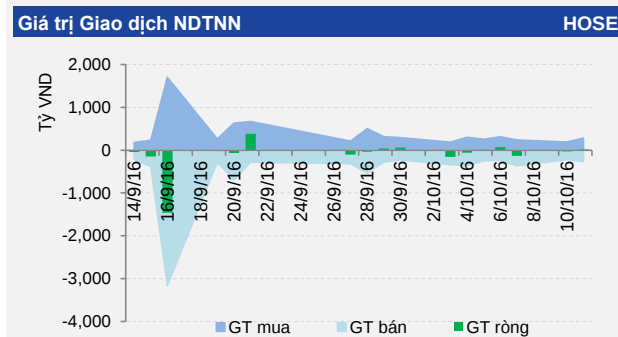
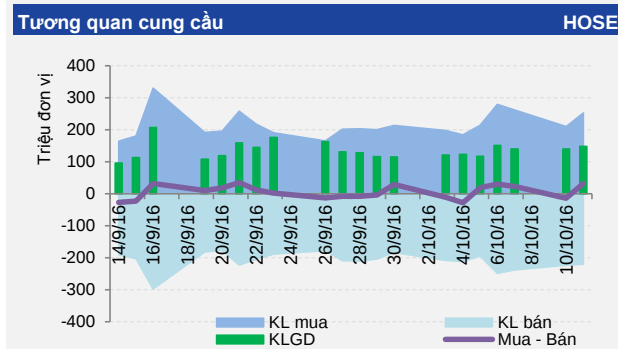


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/10/2016

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	682.36	84.54
% Thay đổi	↑ 1.21%	↓ -0.06%
KLGD (CP)	147,982,566	37,347,238
GTGD (tỷ đồng)	3,038.31	464.70
Tổng cung (CP)	220,561,170	91,454,900
Tổng cầu (CP)	252,314,910	60,515,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	6,710,510	829,399
KL mua (CP)	6,418,950	1,612,700
GTmua (tỷ đồng)	282.87	26.87
GT bán (tỷ đồng)	267.96	11.74
GT ròng (tỷ đồng)	14.91	15.12



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.45%	10.5	1.9	2.8%
Công nghiệp	↑ 1.32%	14.7	2.4	19.6%
Dầu khí	↑ 2.91%	9.7	0.8	4.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.54%	20.7	4.9	3.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.79%	83.4	3.3	1.2%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.35%	19.1	5.9	20.3%
Ngân hàng	↑ 0.30%	14.3	1.5	4.2%
Nguyên vật liệu	↑ 2.72%	10.7	2.0	18.9%
Tài chính	↑ 0.17%	22.4	2.5	24.1%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 4.95%	18.3	2.8	1.8%
VN - Index	↑ 1.21%	16.5	3.3	87.4%
HNX - Index	↓ -0.06%	11.0	1.6	12.6%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch đầy bất ngờ của VN-Index khi đảo chiều tăng điểm mạnh từ khoảng 2h chiều để kết phiên với sắc xanh và thanh khoản cao hơn mức trung bình. Cụ thể, VN-Index tăng 8,17 điểm (1,21%) lên mức 682,36 điểm và HNX-Index giảm nhẹ 0,04 điểm (0,05%) xuống mức 84,54 điểm. Trong phiên hôm nay, chứng kiến sự tăng giá mạnh diễn ra ở nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn trong đó VN30 như GAS, HPG, VCB, đặc biệt là cổ phiếu VNM khi hồi phục mạnh về cuối phiên khi đã có lúc giảm trên 2%. Thanh khoản phiên hôm nay được cải thiện trên HOSE với giá trị giao dịch 3.038 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 148 triệu cổ phiếu. Thanh khoản trên HNX ở mức trung bình với 465 tỷ đồng tương ứng với 37 triệu cổ phiếu. Độ rộng thị trường ở mức trung tính trên sàn HOSE với 120 mã tăng giá, 54 mã đứng giá và 125 mã giảm giá. Trên HNX, độ rộng thị trường là tiêu cực với 71 mã tăng giá, 69 mã đứng giá và 100 mã giảm giá.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index vừa trải qua một phiên đảo chiều tăng điểm ấn tượng (hơn 8 điểm) và đã lấy lại mốc 680 điểm. Tuy nhiên xu hướng trong ngắn hạn của thị trường là chưa thực sự rõ ràng. Trong trung hạn, ngưỡng hỗ trợ của chỉ số tại mốc 674 điểm (MA20) đang được duy trì. Trong phiên ngày mai, thị trường nhiều khả năng sẽ thử thách vùng 680 điểm - 683 điểm. Nhà đầu tư nên tiếp tục quan sát diễn biến thị trường trong các phiên tiếp theo để có quyết định phù hợp.

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

Tâm lý hưng khởi trong phần lớn thời gian phiên sáng đã đưa chỉ số đi lên, về chiều lực bán ra mạnh mẽ đã kéo chỉ số xuống sắc đỏ nhưng sau 14h lực mua vào đã chiến thắng để kết phiên với sắc xanh. VN-Index tăng 8,17 điểm (1,21%) lên mức 682,36 điểm. Thanh khoản cao hơn trung bình với giá trị 3.038 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 148 triệu cổ phiếu.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index là: GAS tăng 4.500 đồng, HPG tăng 2.700 đồng, ROS tăng 3.150 đồng, VCB tăng 300 đồng, VNM tăng 400 đồng. Ở chiều ngược lại, HT1 giảm 850 đồng, STB giảm 120 đồng, NT2 giảm 600 đồng.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

11/10/2016

HNX-Index:

Tâm lý hưng khởi vào đầu phiên giao dịch nhưng sau đó lực bán ra đã kéo chỉ số xuống để kết phiên với mức giảm nhẹ. HNX-Index giảm 0,04 điểm (0,05%) về mức 84,54 điểm. Thanh khoản ở mức trung bình với giá trị 465 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 37 triệu cổ phiếu.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index là: SHB giảm 100 đồng, DGC giảm 1.300 đồng, KVC giảm 1.200 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS tăng 600 đồng, VCS tăng 2.000 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị 14,9 tỷ đồng. Mã được mua ròng nhiều nhất là VNM với 81 tỷ đồng tương ứng với 583 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là GAS với giá trị 7,4 tỷ đồng tương ứng với 106 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 59,4 tỷ đồng tương ứng với 1,5 triệu cổ phiếu, tiếp sau là CTD với giá trị 20,2 tỷ đồng tương ứng với 83 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị 15 tỷ đồng tương ứng với khối lượng 783 nghìn cổ phiếu. Mã được mua ròng nhiều nhất là PVS với 4,6 tỷ đồng tương ứng với 214 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SCR với giá trị 2,9 tỷ đồng tương ứng với 300 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VKC là mã bị bán ròng nhiều nhất với 1,1 tỷ đồng tương ứng với 70 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index kết phiên với cây nến xanh lớn với chân nến dài thể hiện lực cầu mạnh mẽ ở vùng giá thấp đã thắng lực bán trong phiên. Chỉ số đóng cửa ở dưới đường MA5 và MA10 nên tín hiệu trong ngắn hạn ở mức trung tính. Trong trung hạn, tín hiệu vẫn là tích cực bởi ngưỡng hỗ trợ được tạo bởi đường MA20 ở mức 675 điểm và xa hơn là đường MA50 ở mức 664 điểm. Vùng kháng cự gần nhất của chỉ số đang được tạo bởi 2 đường MA5 và MA10 là 683-685 điểm. Chúng tôi dự báo xu hướng trong phiên tới của chỉ số VN-Index có thể là thử thách lại mốc kháng cự 683 điểm (MA5), nếu thử thách thất bại thì chỉ số sẽ dao động trong khoảng 675-683 điểm.

HNX-Index:



HNX-Index kết phiên với cây nến doji chân dài thể hiện sự giằng co dữ dội giữa lực mua và lực bán trong phiên ở mốc 84,5 điểm. Chỉ số đóng cửa ở dưới đường MA5 và MA nên tín hiệu trong ngắn hạn là trung tính. Trong trung hạn, tín hiệu của chỉ số vẫn duy trì ở mức tích cực với ngưỡng hỗ trợ được tạo bởi đường MA20 ở mức 84 điểm. Kháng cự hiện tại của chỉ số đang ở mức 85 điểm tương ứng với đường MA5 và MA10. Chúng tôi dự báo xu hướng của chỉ số HNX-Index trong phiên tới nhiều khả năng sẽ tiếp tục dao động trong vùng 84-85 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm

Lúc 8 giờ 03 phút, giá vàng SJC được Công ty Vàng bạc Đá quý Sài Gòn niêm yết ở mức 35,45 – 35,72 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra), quay đầu giảm nhẹ 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 30.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với chốt phiên chiều qua.

Tỷ giá trung tâm tăng 17 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và Đôla Mỹ (USD) sáng 11/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 21.987 đồng, tăng 17 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng nhẹ

Vào lúc 8 giờ 40 phút tính theo giờ Hà Nội, giá vàng giao ngay tại thị trường châu Á ở mức 1.258 USD/ounce. Quy đổi theo tỷ giá tại Vietcombank hôm nay, giá vàng trong nước hiện đắt hơn giá thế giới khoảng 1,88 triệu đồng/lượng (chưa tính thuế và phí).

Tỷ giá ngoại tệ: USD tiếp tục tăng

Trên thị trường thế giới, tính tới 5h50 sáng 11/10, USD tăng mạnh so với bảng Anh lên mức: 1,2362 USD đổi 1 bảng Anh. USD tăng so với yen Nhật xuống: 103,66 yen đổi 1 USD. Trong khi đó, USD giảm nhẹ so với euro xuống mức: 1 euro đổi 1,1142 USD.

Giá dầu thế giới tăng mạnh

Kết thúc phiên này, tại thị trường New York, giá dầu ngọt nhẹ Mỹ WTI giao tháng 11/2016 tăng 1,54 USD (3.1%) lên 51,35 USD/thùng. Tại London, dầu Brent tăng 1,21 USD (2,3%) lên 53,14 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng điểm

Hết phiên giao dịch, Chỉ số Dow Jones tăng 88,55 điểm tương ứng 0,49% lên mức 18.329,04 điểm, chỉ số Nasdaq tăng 36,27 điểm tương ứng 0,69% lên mức 5.328,67 điểm và chỉ số S&P 500 tăng 9,92 điểm tương ứng 0,46% lên mức 2.163,66 điểm.

**DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ**

Mã CP	Ngày mua	Vùng giá khuyến nghị mua	Giá hiện tại	Hiệu suất	Stoploss	Mục tiêu	Thời gian khuyến nghị	Ghi chú
FPT	16/09/2016	43-44	44.5	3.49%	39-40	58-60	3 tháng	Khuyến nghị theo FA và TA
BFC	21/09/2016	35-36	36	2.86%	32-33	49-50	3 tháng	Khuyến nghị theo FA và TA
KBC	30/09/2016	18-19	18.1	0.56%	17	23	3 tháng	Khuyến nghị theo FA và TA

Lưu ý tiêu chí chọn cổ phiếu:

- Doanh nghiệp có năng lực tài chính tốt, có kết quả kinh doanh tăng trưởng đều qua các quý/năm (hoặc) có chuyển biến nội tại tích cực về năng lực tài chính, KQKD trong ngắn/dài hạn. Ngoài ra các khuyến nghị cũng có thể dựa trên thuần túy phân tích kỹ thuật.

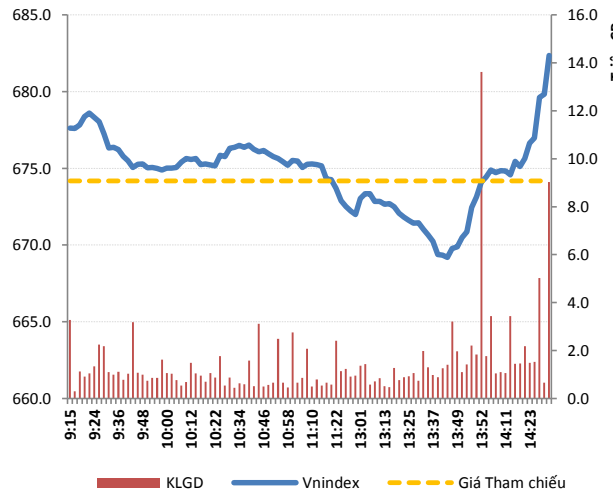
- Các khuyến nghị bán được thực hiện không chỉ dựa trên mức giá mục tiêu, giá stop loss mà còn phụ thuộc tình hình thị trường chung thay đổi (hoặc) cổ phiếu vẫn hoạt động tốt nên chúng tôi tiếp tục cho cổ phiếu chạy, dời mức trailing stop về 7 đến 8% so với giá đóng cửa cao nhất mà cổ phiếu này đạt được (hoặc) cổ phiếu chuyển sang giai đoạn hoạt động kém hiệu quả nên mức stoploss/mức giá mục tiêu bị dời lại.

CẬP NHẬT TÌNH HÌNH DN TRONG DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ

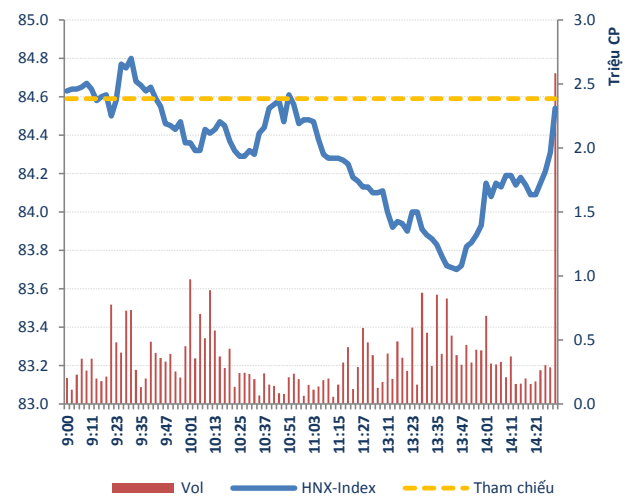


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

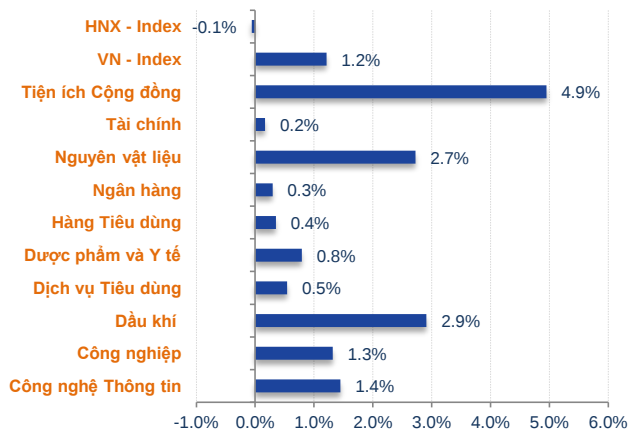
KLGD và VN-Index trong phiên



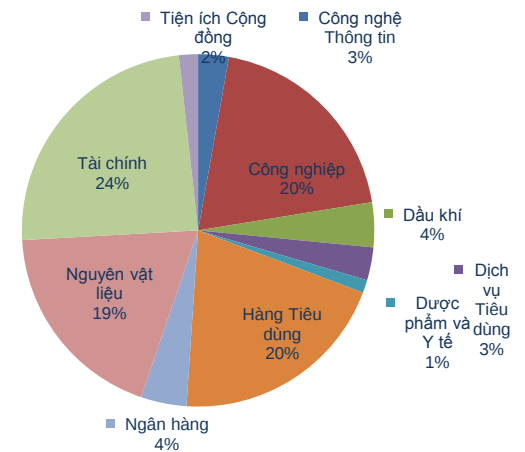
KLGD và HNX-Index trong phiên



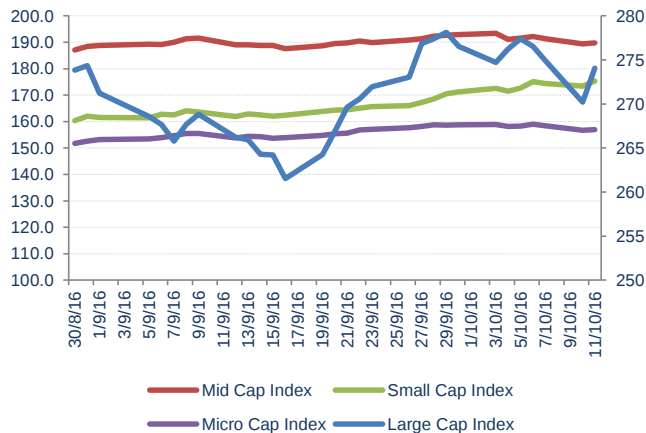
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



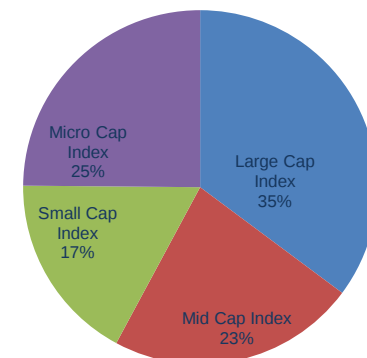
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	E1VFN30	1,055,000	HPG	1,458,790
2	VNM	582,550	KBC	525,900
3	GTN	170,000	HSG	356,240
4	DPM	144,050	PHR	291,020
5	DXG	141,180	HT1	175,170

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SCR	300,000	KHB	199,700
2	PVS	213,800	VDS	77,200
3	TIG	150,000	VKC	69,800
4	CEO	89,500	VGS	40,500
5	BVS	81,200	UNI	15,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	5.8	6.2	↑ 6.94%	22,882,850
HPG	39.2	41.9	↑ 6.89%	8,816,090
VIC	42.1	42.1	→ 0.00%	7,899,126
HQC	5.4	5.3	↓ -0.93%	5,761,400
DLG	5.5	5.5	↓ -0.72%	4,540,250

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HKB	10.7	9.7	↓ -9.35%	3,533,900
PVS	21.2	21.8	↑ 2.83%	2,935,036
SHB	4.8	4.7	↓ -2.08%	2,679,548
NHP	13.9	14.1	↑ 1.44%	2,210,004
HUT	12.8	12.8	→ 0.00%	1,602,175

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTT	9.3	10.0	0.6	↑ 6.99%
RIC	8.0	8.6	0.6	↑ 6.98%
ROS	45.2	48.4	3.2	↑ 6.97%
FLC	5.8	6.2	0.4	↑ 6.94%
CLL	26.0	27.8	1.8	↑ 6.92%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KST	4.3	5.5	1.2	↑ 27.91%
VTS	10.0	11.0	1.0	↑ 10.00%
VNF	49.0	53.9	4.9	↑ 10.00%
HVT	23.9	26.2	2.3	↑ 9.62%
V21	5.2	5.7	0.5	↑ 9.62%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGT	3.9	3.6	-0.3	↓ -6.92%
VID	4.2	3.9	-0.3	↓ -6.92%
NAV	10.7	10.0	-0.7	↓ -6.92%
VNA	1.9	1.8	-0.1	↓ -6.91%
PJT	11.6	10.8	-0.8	↓ -6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LCS	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
G20	6.1	5.5	-0.6	↓ -9.84%
BII	9.3	8.4	-0.9	↓ -9.68%
KVC	12.6	11.4	-1.2	↓ -9.52%
HKB	10.7	9.7	-1.0	↓ -9.35%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	22,882,850	17.0%	2,004	3.1	0.5
HPG	8,816,090	30.2%	5,512	7.6	1.8
VIC	7,899,126	5.1%	769	54.7	3.4
HQC	5,761,400	17.8%	1,716	3.1	0.6
DLG	4,540,250	5.1%	679	8.1	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HKB	3,533,900	0.7%	96	101.4	1.0
PVS	2,935,036	11.0%	2,920	7.5	1.0
SHB	2,679,548	7.4%	890	5.3	0.4
NHP	2,210,004	3.3%	313	45.1	1.4
HUT	1,602,175	15.8%	2,283	5.6	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTT	↑ 7.0%	5.9%	862	11.5	0.7
RIC	↑ 7.0%	8.1%	1,211	7.1	0.6
ROS	↑ 7.0%	6.9%	5,164	9.4	4.7
FLC	↑ 6.9%	17.0%	2,004	3.1	0.5
CLL	↑ 6.9%	15.8%	2,574	10.8	1.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KST	↑ 27.9%	12.8%	2,331	2.4	0.3
VTG	↑ 10.0%	0.4%	100	109.7	0.5
VNF	↑ 10.0%	16.6%	6,263	8.6	1.4
HVT	↑ 9.6%	13.6%	2,318	11.3	1.6
V21	↑ 9.6%	-2.9%	(249)	-	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	1,055,000	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	582,550	41.9%	6,234	22.5	8.8
GTN	170,000	2.9%	360	52.8	1.8
DPM	144,050	16.9%	3,922	7.3	1.3
DXG	141,180	18.9%	2,639	4.6	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	300,000	2.3%	328	29.8	0.7
PVS	213,800	11.0%	2,920	7.5	1.0
TIG	150,000	10.5%	1,228	4.2	0.5
CEO	89,500	12.3%	1,850	5.4	0.9
BVS	81,200	7.2%	1,450	12.6	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	203,929	41.9%	6,234	22.5	8.8
GAS	137,761	14.8%	3,337	21.6	3.5
VCB	135,996	13.6%	1,746	21.6	2.1
VIC	111,048	5.1%	769	54.7	3.4
CTG	63,856	10.6%	1,633	10.5	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	17,029	8.7%	1,253	15.2	1.3
PVS	9,738	11.0%	2,920	7.5	1.0
VCS	8,100	51.1%	10,707	12.6	6.0
VCG	6,979	4.5%	734	21.5	1.2
PHP	6,310	9.0%	1,178	16.4	1.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TMT	2.99	23.7%	2,651	8.8	2.0
QBS	2.94	6.3%	747	8.2	0.6
TSC	2.78	3.3%	401	8.4	0.3
HAG	2.68	-6.1%	(1,330)	-	0.3
TTF	2.67	-60.6%	(6,890)	-	4.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HKB	5.77	0.7%	96	101.4	1.0
TEG	3.79	6.5%	2,910	3.5	1.0
VCG	3.79	4.5%	734	21.5	1.2
TFC	3.48	23.2%	6,607	1.3	0.5
FID	3.41	5.5%	755	24.8	1.7



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Xuân Bách
bach.tx@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
